

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 4 - 2024

V/v: “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Ngọc

2. Ông Nguyễn Xuân Thí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2023 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐ-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 160/QĐ-ST ngày 05/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị Cao Thị Th; sinh năm: 1991; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: - Anh Nguyễn Xuân D; sinh năm: 1988; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố T; phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện đang trú tại: Cộng hòa liên bang Đức, vắng mặt tại phiên tòa.

Thân nhân của anh Nguyễn Xuân D: Bà Nguyễn Thị Ngh (mẹ đẻ anh D); địa chỉ: Tổ dân phố T; phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/4/2023, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Cao Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Th và anh Nguyễn Xuân D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2017 anh Nguyễn Xuân D đi nước ngoài làm ăn. Vì điều kiện làm việc cũng như khoảng cách về thời gian và địa lý nên mâu thuẫn phát sinh càng nhiều. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Chị Th nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh D và chị Th có một con chung là Nguyễn Cao Ph; sinh ngày 03/12/2011; Sau khi ly hôn chị Th có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con, chị Th đủ điều kiện, khả năng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng anh D và chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân D: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã uỷ thác tư pháp ra nước ngoài thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Đức để yêu cầu cơ quan này tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với anh Nguyễn Xuân D; thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), đồng thời thông báo cho người thân (gia đình anh Diệu) biết để người thân thông báo cho anh D biết việc chị Th xin ly hôn anh D, nhưng Toà án không nhận được thông tin gì từ Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức và cũng không nhận được thông tin gì từ anh D.

- Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Ngh (mẹ anh D): Anh D đã đi qua Đức làm ăn từ năm 2017 đến nay chưa về, hiện có địa chỉ đúng như địa chỉ mà chị Th đã cung cấp cho Toà án; anh D có liên lạc với gia đình bằng điện thoại và có nói cho bà biết vợ chồng Th – D đang làm thủ tục ly hôn và mong muốn Toà án tỉnh Quảng Bình giải quyết ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm và để ổn định cuộc sống riêng, về con chung, con trai bà đồng ý giao con chung cháu Nguyễn Cao Ph; sinh ngày 03/12/2011 cho chị Th chăm sóc nuôi dưỡng, hàng tháng anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung vợ chồng Th – D không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: đề nghị xử cho chị Cao Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Xuân D; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Cao Ph; sinh ngày 03/12/2011 cho chị Cao Thị Thu chăm sóc nuôi dưỡng; hàng tháng buộc anh Nguyễn Xuân D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định; về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân D là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì anh Nguyễn Xuân D đã xuất cảnh ngày 07/11/2017 chưa thấy thông tin nhập cảnh về nước. Theo chị Thu cung cấp thì hiện anh Diệu có địa chỉ tại: Cộng hoà liên bang Đức. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án cho anh Nguyễn Xuân D ở nước ngoài như: Toà án đã uỷ thác tư pháp thông qua Đại sứ quán của Việt Nam tại CHLB Đức để yêu cầu tổng đạt các văn bản tố tụng tại trụ sở và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức; thông báo qua kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5; gửi văn bản tố tụng về gia đình của bị đơn (anh D), thực hiện niêm yết văn bản tại địa phương, tại Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, tuy nhiên không nhận được thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự (anh D) ở nước ngoài. Toà án đã mở phiên toà lần thứ nhất vào ngày 05/3/2024, lần thứ hai vào ngày 04/4/2024 và lần thứ ba ngày 19/4/2024 nhưng anh D tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy chị Cao Thị Th và anh Nguyễn Xuân D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Theo như chị Cao Thị Th trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp nên thường xuyên ra cãi nhau. Trước Toà, chị Th khẳng định tình cảm không còn và xin được ly hôn anh D. Đối với anh Nguyễn Xuân D, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án mà anh D không gửi ý kiến về cho Toà án, tuy nhiên theo ý kiến của bà Ngh (mẹ anh D) cho biết thì anh D đã biết việc chị Th xin ly hôn và anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Cao Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Xuân D.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh D và chị Th có một con chung là Nguyễn Cao Ph; sinh ngày 03/12/2011. Nguyên vọng của chị Th xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, cháu Phong có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy từ khi sinh con đến nay thì chị Th là

người trực tiếp nuôi con và thông qua trình bày của bà Ngh (mẹ anh D) thì anh D đồng ý giao con chung cho chị Th chăm sóc nuôi dưỡng, nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị Th để giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng;

Chị Thu không yêu cầu anh Nguyễn Xuân D đóng cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Th.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Cao Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5]. Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, đăng tin: chị Cao Thị Th phải chịu 1.654.000 đồng lệ phí uỷ thác tổng đạt văn bản tố tụng, đăng thông tin trên VOV5 (chị Th đã nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 474, điểm b khoản 3 và điểm c khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Xuân D;

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Cao Ph, sinh ngày 03/12/2011 cho chị Cao Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Nguyễn Xuân D đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Cao Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0005434 ngày 31/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, đăng tin: chị Cao Thị Th phải chịu 1.654.000 đồng lệ phí uỷ thác tổng đạt văn bản tố tụng, đăng thông tin trên VOV5 (chị Th đã nộp đủ tại Tòa án).

6. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Chị Cao Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Xuân D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Hoá, H. Tuyên Hoá, T.Quảng Bình;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP;

Nguyễn Thái Sơn